TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 01 - 2024
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hạnh;

2. Ông Đinh Đức Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn M, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 10 năm 2023, qua các lần hòa giải tại Tòa án, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị B trình bày:

Bà B và bị đơn là ông Bùi Văn M tự tìm hiểu và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 28/9/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình chồng tại ấp C, xã H, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương và sinh được 03 con chung: Bùi Đức D, sinh ngày 11/7/2009, Bùi Ngọc Quỳnh M1, sinh ngày 18/8/2016 và Bùi Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 16/5/2018. Từ năm 2020 đến nay, giữa vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn cả về tình cảm vợ chồng, lẫn kinh tế gia đình, ông M thường xuyên ghen tuông, luôn áp đặt gia trưởng khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Bùi Văn M. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Bùi Ngọc Quỳnh M1 và Bùi Ngọc Quỳnh L và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà B đồng ý giao con chung tên Bùi Đức D cho ông M nuôi dưỡng, bà B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho ông M. Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Ngày 17/01/2024, bà B nộp đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà B.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2023, ngày 17/01/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Bùi Văn M xác định quan hệ hôn nhân, con chung như bà B đã khai tại Tòa án là đúng. Ông M trình bày sau khi kết hôn vào năm 2007, vợ chồng về sống chung tại gia đình chồng tại ấp C, xã H, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Hiện tại, ông M vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn bà B trở về đoàn tụ gia đình không muốn ly hôn nhưng ông M cũng xác định đã cố gắng vợ chồng đoàn tụ nhưng bà B cương quyết ly hôn, không còn biện pháp hàn gắn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông M đồng ý cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Bùi Ngọc Quỳnh M1 và Bùi Ngọc Quỳnh L, ông M chấp nhận cấp dưỡng nuôi con cho cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đức D. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Quỳnh L và bà B không phải cấp dưỡng cho cháu Bùi Đức D.

Tại bản tự khai của cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 đề ngày 05/12/2023 trình bày nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu trường hợp cha và mẹ ly hôn nhau và bản tự khai của cháu Bùi Đức D đề ngày 20/11/2023 trình bày nguyện vọng mong muốn được cha trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Tòa án, Thẩm phán, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Nguyên đơn bà Phạm Thị B và bị đơn ông Bùi Văn M đã có văn bản nêu rõ quan điểm của mình về vụ án, đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Tòa án xét xử vắng mặt bà B, ông M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì khác. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị B đối với ông Bùi Văn M, giao hai con chung Bùi Ngọc Quỳnh M1 và Bùi Ngọc Quỳnh L cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao con chung tên Bùi Đức D cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Bùi Văn M về mức cấp

dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng cho cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Bùi Văn M, cư trú tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là Phạm Thị B và bị đơn ông Bùi Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó bà B, ông M đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Bà Phạm Thị B và ông Bùi Văn M, tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 28/9/2007 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà B trình bày từ năm 2020 đến nay, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cả về tình cảm vợ chồng, lẫn kinh tế gia đình, ông M thường xuyên ghen tuông, luôn áp đặt gia trưởng khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Bùi Văn M. Ông M cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng ông M cũng xác định đã cố gắng vợ chồng đoàn tụ nhưng bà B cương quyết ly hôn, không còn biện pháp hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B, ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài khi mục đích hôn nhân giữa vợ và chồng không đạt được. Do đó, việc bà B yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, qua hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông M không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm để đoàn tụ. Do đó việc bà B xin ly hôn ông M là có căn cứ chấp nhập theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Bà B và ông M có 03 con chung: Bùi Đức D, sinh ngày 11/7/2009, Bùi Ngọc Quỳnh M1, sinh ngày 18/8/2016 và Bùi Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 16/5/2018. Tại bản tự khai của cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 đề ngày 05/12/2023 trình bày nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu trường hợp cha và mẹ ly hôn nhau và bản tự khai của cháu Bùi Đức D đề ngày 20/11/2023 trình bày nguyện vọng mong muốn được ba trực tiếp nuôi

dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông M thống nhất bà B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Bùi Ngọc Quỳnh M1 và Bùi Ngọc Quỳnh L và ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đức D. Việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con giữa bà B, ông M phù hợp nguyện vọng của cháu M1, cháu D và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông M thống nhất ông M cấp dưỡng cháu Mai số tiền 2.000.000đ/tháng. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Quỳnh L và bà B không phải cấp dưỡng cho cháu Bùi Đức D. Xét thấy, thỏa thuận giữa bà B với ông M là phù hợp thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Phạm Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình, ông Bùi Văn Miền phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59,, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với ông Bùi Văn M.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B được ly hôn với ông Bùi Văn M.

1.2. Về người trực tiếp nuôi con chung: Bà Phạm Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung gồm: Bùi Ngọc Quỳnh M1, sinh ngày 18/8/2016 và Bùi Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 16/5/2018. Ông Bùi Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tên Bùi Đức D, sinh ngày 11/7/2009.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Ngọc Quỳnh M1 cho bà Phạm Thị B với mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 đến khi cháu Bùi Ngọc Quỳnh M1 đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Kể từ ngày bà Phạm Thị B có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Bùi Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông M còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Bùi Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông M lợi dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở cho việc bà Phạm Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông M. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của các cháu, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con, người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010578, ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Bùi Văn M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Nguyễn Văn Thanh